

VÀI NÉT VỀ *KINH DỊCH*

Tóm tắt: Bài viết giới thiệu khái quát về “*Kinh Dịch*”, một “*thiên cổ kỳ thư*”, nhưng không dễ dàng đọc hiểu. Theo tác giả, muốn hiểu được cuốn sách này cần đọc nó với tư duy hệ thống và cấu trúc. Bên cạnh đó, để giải mã được “*Kinh Dịch*” cũng phải đọc một số nghiên cứu và chú giải về tác phẩm này của các nhà nghiên cứu nổi tiếng của Trung Quốc và Việt Nam. Ngoài ra, bài viết còn đề cập đến vấn đề nguồn gốc của “*Kinh Dịch*”.

Từ khóa: *Dịch, Kinh Dịch, Chu Dịch, Dịch học, Bát quái.*

Kinh Dịch xưa nay được gọi là thiên cổ kỳ thư. Cuốn sách này thật lạ lùng, hầu như ai cũng ngưỡng mộ nó, đề cao nó, háo hức tìm nó, rồi đọc ngấu ngiến nó. Rơi vào một rừng chữ nghĩa mông lung, xa lạ, nhiều người luôn quyết tâm không chịu bó tay, để tỏ rõ không chịu thua kém mọi người, nhưng rồi vẫn thấy thật khó nhằn. Nhiều nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà thơ... có đôi chút tiếng tăm đã phải đầu hàng trước nó, và đành phải thú thật đã dám không sợ bị động chạm đến uy danh hiển biết của mình, thử đọc rồi chẳng hiểu gì cả!

Nhiều người hào hứng với *Kinh Dịch*, đã bỏ rất nhiều thời gian mà rút cuộc chẳng thu được gì. Nguyên nhân có lẽ là do họ chưa được cung cấp phương pháp đọc *Kinh Dịch* cho đúng cách. Cuốn sách này bày ra trước thế giới giống như một kho báu chưa được mở. Hơn 800 năm trước, Chu Tử (Chu Hy) từng đứng trước vấn đề tương tự. Cách giải quyết do ông đề xuất là đọc *Kinh Dịch* theo phương pháp bói toán. Ông đã dùng phương pháp này, và quả nhiên có được nhiều thứ từ *Kinh Dịch*. Theo lý giải của Chu Tử, thuật thông giữa Trời với Người do *Kinh Dịch* đưa ra chính là bói toán.

Nghe nói, Khổng Tử cũng tin vào bói toán và từng đích thân hành nghề. Trong cuốn *Bách thư* khai quật được ở Mã Vương Đồi từ thập niên 70 thế kỷ trước, có thiên *Yếu* ghi lại câu chuyện Khổng Tử xem bói.

^{*} NNC, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bói *Kinh Dịch*, với tư cách là thuật thông giữa Trời với Người, có mối liên quan chặt chẽ với mệnh đề quan trọng nhất trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc là mối quan hệ Trời - Người ở trình độ rất cao, tương tự với loại bói toán bất hợp pháp gieo quẻ đoán số song không hề giống về thực chất tư tưởng¹.

Người Việt Nam luôn quen với tên sách là *Kinh Dịch*, nhưng nhiều khi lại gặp cả tên là *Chu Dịch* nữa².

Người Trung Quốc gọi *Kinh Dịch* là *Dịch Kinh*. Theo phân tích của họ, *Dịch Kinh* còn gọi là *Chu Dịch* hoặc *Dịch*. *Dịch* thực ra gồm Tam Dịch là *Liên Sơn*, *Quy Tàng* và *Chu Dịch* thời cổ, nhưng *Liên Sơn* và *Quy Tàng* đã thất truyền từ lâu.

Chu Dịch vốn là một bộ sách dùng để bói toán. Đây chính là nguyên nhân cuốn sách này bị coi là nguy khoa học. *Chu Dịch* tin có sự tồn tại của Trời; kết quả suy diễn của *Chu Dịch* là không xác định (chắc chắn), còn sự suy diễn của khoa học, thì dù có tính toán bao nhiêu lần đi nữa, kết quả là xác định (chắc chắn). Nói *Chu Dịch* bói toán là nguy khoa học là có lí do, vấn đề nằm ở chỗ trong đó có bao hàm những nội dung tích cực hay không. Theo *Chu Lễ* của Trung Quốc ghi lại, cả ba đời Hạ, Thương, Chu đều có sách *Dịch*, song lưu truyền lại đến ngày nay chỉ có *Kinh Dịch* của đời Chu, vì thế mà gọi là *Chu Dịch*, nghĩa là sách *Dịch* đời nhà Chu. *Chu Dịch* về sau được Nho gia tôn lên thành kinh điển, nên gọi là *Dịch Kinh*, nghĩa là sách kinh điển *Dịch*, đồng thời đặt cho nó chiếc vương miện “quần kinh chi thủ”, nghĩa là kinh của các kinh, là triết học của các triết học. Thực ra, đây chỉ là một lập luận tương đối, có nghĩa là trong số kinh điển, dường như *Dịch Kinh* bao gồm tất cả, là sự kết tinh của trí tuệ.

Vậy tại sao người Việt Nam không để nguyên tên *Dịch Kinh* mà lại gọi là *Kinh Dịch*?

Các học giả Việt Nam coi nó là một trong ba bộ kinh cổ nhất của Trung Hoa, sau *Kinh Thi* và *Kinh Thư*, nên gọi luôn là *Kinh Dịch*. Như vậy, *Kinh Dịch* theo cách gọi của Việt Nam xem ra lại có khác đôi phần về ý nghĩa so với *Dịch Kinh* theo cách gọi của Trung Quốc - sách kinh điển *Dịch*³.

Từ đọc hiểu được *Kinh Dịch* đến nhà Dịch học là cả một khoảng cách xa vời. Nguyễn Hiến Lê từng nói: Ở Việt Nam chưa có nhà Dịch học.

Bộ thiên cổ kỳ thư *Kinh Dịch* ngưng tụ trí tuệ cổ xưa của các bậc tiên hiền từng được hiểu là một cuốn sách bói. Thực ra, bói chỉ là một dụng đồ nhỏ nhất của nó. Vậy rút cuộc, *Kinh Dịch* là bộ sách thế nào? *Kinh Dịch* là bộ sách vừa cổ xưa vừa tân kỳ, vừa xa lạ, thâm sâu khó đoán, lại vừa dung dị giản đơn, là bộ pháp điển giải mã bí ẩn của vũ trụ nhân sinh. Từ xưa đến nay, loài người luôn gắng sức khám phá những bí ẩn của vũ trụ nhân sinh, song cho đến nay, khi khoa học kỹ thuật đã phát triển cao độ, vẫn chưa thể giải mã được vũ trụ, lẽ nào tổ tiên của chúng ta đã làm được điều đó từ mấy ngàn năm trước?

Bấy lâu nay, *Kinh Dịch* luôn được coi là một bộ kỳ thư trong lịch sử văn hóa Trung Quốc. Sự đánh giá của học giả qua các đời về nó có sự khác biệt rất lớn.

Kinh Dịch được coi là bộ sách nêu ra quy luật biến đổi phát triển của muôn sự muôn vật. Nho gia xếp nó là đứng đầu Ngũ kinh (*Dịch, Thư, Thi, Lễ, Xuân Thu*), Đạo gia coi nó là một trong Tam huyền (*Lão Tử, Trang Tử, Kinh Dịch*).

Bất luận nghiên cứu thiên văn, địa lí, triết học, chính trị, binh pháp, đạo đức, hay y học, văn học, vũ thuật, khí công, người ta đều truy ngược về *Kinh Dịch*, thậm chí có người còn cho Bát quái trong *Kinh Dịch* là ông tổ của văn tự.

Đương nhiên, có học giả cho *Kinh Dịch* là sách nói về bói toán mê tín thời phong kiến, là ngụy khoa học.

Tùy từng góc độ đánh giá mà tiêu chuẩn cũng khác nhau, kết luận dĩ nhiên cũng không giống nhau. Những người phê phán hay phê phán tính chất bói toán của *Kinh Dịch*, còn những người khẳng định lại hay khẳng định nội dung triết học của cuốn sách này. Dường như tất cả đều có lý, song lại đều mang tính phiến diện và thiên vị ở các mức độ khác nhau.

Muốn đọc hiểu được *Kinh Dịch*, trước tiên hãy tìm đến cuốn *Bát quái thần bí* của các học giả Trung Quốc⁴. Có thể coi *Bát quái thần bí* là cuốn sách giải mã *Kinh Dịch* vô cùng lý thú. Bát quái đại diện cho tư tưởng triết học Trung Quốc thời xa xưa, ngoài chiêm bói, phong thủy ra, nó còn ảnh hưởng tới cả Đông y, vũ thuật, âm nhạc, v.v...

Học thuyết Bát quái được bắt nguồn từ *Kinh Dịch* và cũng là cốt lõi của *Kinh Dịch*. Giải mã được học thuyết Bát quái là hiểu được *Kinh Dịch*. Quách Mạt Nhược từng nói trong *Nghiên cứu về xã hội Trung Quốc cổ*

đại rằng: “*Chu Dịch* là một tòa điện đường thần bí. Vì bản thân nó được xây nên bởi những viên gạch thần bí là Bát quái, lại thêm người đời sau dựng lên mấy pho tượng thần siêu đẳng, thế là, cho mãi đến tận thế kỷ XX này, tòa điện đường ấy vẫn tỏa ra những tia sáng u uẩn của sự thần bí. Do đó, nếu ta tán thưởng, ngưỡng mộ một cách mù quáng hoặc tránh né nó, thì sẽ làm cho vấn đề đã thần bí lại càng thêm thần bí hơn. Thần bí rất sợ Mặt Trời, thần bí sợ nhất sự đụng độ nhau để phân tỏ ngọn ngành”⁵.

Bát quái (tám quẻ) là hệ thống âm dương biểu thị sự biến đổi tự thân của sự vật. Dùng “—” đại diện cho Dương, dùng “- -” đại diện cho Âm, dùng ba phù hiệu như vậy tổ hợp song song theo sự biến đổi âm dương của tự nhiên, tạo thành tám loại hình thức khác nhau, gọi là tám quẻ (Bát quái). Mỗi hình quẻ đại diện cho một sự vật nhất định. Càn đại diện cho Trời, Khôn đại diện cho Đất, Chấn đại diện cho Sấm, Tốn đại diện cho Gió, Khảm đại diện cho Nước, Ly đại diện cho Lửa, Cấn đại diện cho Núi, Đoài đại diện cho Đầm. Tám quẻ giống như chiếc túi miệng rộng vô hình vô hạn, đựng muôn sự muôn vật trong vũ trụ vào đó, tám quẻ chồng tiếp lên nhau biến thành sáu quẻ, dùng để tượng trưng cho các hiện tượng tự nhiên và hiện tượng nhân sự.

Đọc *Bát quái thần bí*, chúng ta được làm quen với các kiến thức cơ bản về hào và quẻ, sự kỳ lạ và quái lạ về tên quẻ và tượng quẻ, về mối quan hệ qua lại của Bát quái với khoa học kỹ thuật, về sự đan xen giữa toán học nguyên thủy với toán học hiện đại, về trò bịp Bát quái “dự đoán trăm năm”. Các quan điểm tư tưởng nằm trong cuốn sách này cũng được phân tích hấp dẫn và dễ hiểu, như đối lập âm dương và phép lưỡng phân, quan điểm hệ thống trong Bát quái, sự thể hiện nhân cách trong Bát quái, đạo đức của con người, định hướng giá trị của họa phúc, v.v... Phần sau hết của cuốn sách cũng thực thú vị. Đọc phần này, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn những đóng góp của học thuyết Bát quái. Có thể nói, học thuyết Bát quái chính là nguồn cảm hứng cho các học giả tìm hiểu về văn hóa cổ xưa. Về văn hóa Trung Hoa cổ xưa, có Lưỡng nghi tương phùng với sự khởi nguồn các quan niệm văn học Trung Quốc, tìm về cội nguồn tư tưởng mỹ học cổ đại Trung Quốc, quẻ Khôn với thuật xem đất thời xưa, thuật khí công trong *Kinh Dịch*, ý đồ thiết kế trong kiến trúc cổ đại Trung Quốc, v.v... Những gợi mở về văn hóa nhân loại nói chung, có Bát quái với quan niệm tôn giáo nguyên thủy, văn hóa phồn thực trong Bát quái,

lý luận dưỡng sinh trong Bát quái, lai lịch của quan niệm sùng bái trình nữ, nguồn gốc quan niệm hình thần trong lĩnh vực thi họa, v.v...

Các phù hiệu cơ bản của Bát quái dùng các ký hiệu đối lập âm dương để biểu thị phép lưỡng phân. Dùng phép lưỡng phân này để nêu bật bản chất của sự vật, đi sâu vào đạo Trời, đạo Đất, đạo Người. Đây chính là sự thể hiện tư tưởng của phép biện chứng thô sơ cổ xưa. Sự đối lập âm dương chính là phép lưỡng phân cơ bản nhất, sự đối lập của mọi sự vật đều bắt nguồn từ đối lập âm dương mà ra. “Dịch hữu Thái cực, thị sinh Lưỡng nghi” (Dịch có Thái cực, là sinh Lưỡng nghi), “Hữu thiên địa, nhiên hậu vạn vật sinh yên” (Có Trời Đất rồi, sau đó muôn vật được sinh ra). “Hữu thiên địa, nhiên hậu hữu vạn vật; hữu vạn vật, nhiên hậu hữu nam nữ; hữu nam nữ, nhiên hậu hữu phu thê” (Có Trời Đất, sau đó có muôn vật; có muôn vật, sau đó có nam nữ; có nam nữ, sau đó có vợ chồng). Cứ thế mà suy diễn ra tiếp những đối lập khác, nhiều không đếm xuể. Cái tài tình và trí tuệ không thể xem thường được của Bát quái là ở chỗ, nó không chỉ dừng lại ở sự phân chia các mặt đối lập của mọi sự vật, mà còn biến phép lưỡng phân này trở thành một quy luật phổ biến, nhằm làm toát lên một cách sâu sắc mối quan hệ tổ hợp giữa các sự vật đối lập: Hai phía đối lập bao giờ cũng thống nhất. Càn là Trời, Khôn là Đất, Đất được Trời chở che, Trời và Đất phối hợp mật thiết với nhau, dựa vào nhau, không dễ phân chia. Cái mà Âm cần là Dương, cái mà Dương cần là Âm. Trong Dương có Âm, trong Âm có Dương, Âm Dương giao cảm làm thành một chỉnh thể. Các cặp đối lập họa phúc, lành dữ, nam nữ, chồng vợ, cương nhu, trên dưới,... đều như vậy, dựa vào nhau, không thể chia cắt. Đối lập mà thống nhất, thống nhất mà đối lập.

Hai phía mâu thuẫn lại là hai phía đối lập. Âm Dương đối lập nhau, Càn Khôn đối lập nhau, các sự vật khác được sinh ra từ đó cũng thể hiện sự đối lập và xung đột của mâu thuẫn trong vũ trụ. Càn là Trời, Khôn là Đất, Trời thì cao, Đất thì thấp. Từ đó suy ra, Dương cao Âm thấp, vua cao tôi thấp, chồng cao vợ thấp, nam cao nữ thấp, quân tử cao tiểu nhân thấp, hình thành nên một loạt mối quan hệ đối lập với nhau. Có thể thấy, trong Bát quái, đâu đâu cũng thể hiện sự mâu thuẫn.

Hai phía đối lập sẽ chuyển hóa lẫn nhau, từ đó sinh ra sự vận động biến đổi. Bát quái nhấn mạnh hết sức đến sự biến đổi, cho rằng căn cứ của sự biến đổi là từ sự chuyển hóa của hai phía mâu thuẫn. Nhìn chung, một khi sự vật phát triển đến cực điểm của nó thì sẽ chuyển sang một mặt

đối lập. Chẳng hạn, quẻ Càn phát triển đến cực điểm sẽ chuyển hóa thành quẻ Khôn. Cương biến hóa sẽ chuyển thành nhu, tiến hết mức thì tất sẽ lùi. Vật cực tắc phản, bỉ cực thái lai. Đó chính là sự chuyển hóa giữa các mặt đối lập.

Chúng ta có thể nhận ra sự tương đồng giữa “lập luận” này của Bát quái với phép duy vật biện chứng: Mọi sự vật trong giới tự nhiên và trong xã hội đều có những mối liên hệ tương hỗ với nhau, mọi sự vật đều tồn tại những sự đối lập mâu thuẫn, đồng thời mọi sự vật đều phát triển, vận động, biến đổi chính trong sự thống nhất đối lập đó.

Từ hai khái niệm Âm Dương cơ bản này, Bát quái dùng nó để tạo nên bốn hình thái đối lập mâu thuẫn, đối ứng từng cặp một, đó chính là tám quẻ cơ bản; rồi từ tám quẻ cơ bản lại làm thành từng cặp đối ứng lũy tiến, tạo nên hình thái đối lập của 32 cặp, tức 64 quẻ. Từ 64 quẻ này mà mở ra một đồ thức đối lập mâu thuẫn của thế giới.

Kinh Dịch cung cấp một thứ triết lý mang tính hệ thống, nên muốn hiểu được, cần phải đọc nó với tư duy hệ thống và cấu trúc.

Bát quái không chỉ nói tách rời đặc trưng của từng quẻ, mà gộp chúng lại thành một chỉnh thể, cung cấp một hình ảnh toàn diện về vạn vật trong thế giới này. Bát quái chứa đựng một quan niệm về hệ thống hết sức chặt chẽ, muốn hiểu thấu được từng điều *Kinh Dịch*, phải đặt nó trong cả hệ thống mà lý giải.

Về mặt vĩ mô, Bát quái đi sâu xem xét một cách toàn diện đạo Trời, đạo Đất và đạo Người. Mục đích chính của nó là lấy đạo Trời để nói về đạo Người. Mở đầu cho 64 quẻ là hai quẻ Càn và Khôn tượng trưng cho Trời và Đất, “có Trời Đất rồi sau muôn vật mới sinh ra”. Đồng thời, hai quẻ Càn Khôn tuy tượng trưng cho Trời Đất nhưng không phải chỉ lấy mỗi Trời Đất để bàn về Trời Đất, mà kết hợp với cả việc Người để nói về Trời Đất: “Lập đạo Trời là Âm và Dương, lập đạo Đất là Cương và Nhu, lập đạo Người là Nhân và Nghĩa”.

Mỗi quẻ có sáu hào với tên đặt theo một ý chính, lời quẻ lời hào được diễn giải bám sát ý chính ấy. Từng quẻ đều thuộc về một thể thống nhất hữu cơ. Xét về chiều ngang, mỗi quẻ đều có một trung tâm xuyên suốt liên kết cả sáu hào lại để làm nên một tiểu chỉnh thể. Xét theo chiều dọc, mỗi quẻ là một tiểu hệ thống, sáu hào của quẻ tương đương với sáu cấp độ trong tiểu hệ thống đó. Như sáu hào của quẻ Càn từ dưới lên trên thể

hiện cả quá trình tiếp liền gắn kết với nhau, từ chỗ con rồng còn ẩn náu cho đến khi xuất hiện, rồi đến lúc vẫy vùng, bay lượn, để rồi cuối cùng là bay vọt lên quá cao.

Trong 64 quẻ, cứ từng cặp quẻ liền nhau thì thường cấu thành một thể thống nhất liên hệ hữu cơ với nhau. Xét về tượng quẻ, trong số 64 quẻ, có tám quẻ Càn, Khôn, Dy Đại, Quá, Khâm, Ly, Trung Phu, Tiểu Quá, chúng ta dùng phương pháp “biến”, tức đem bốn nhóm quẻ có hào Âm hào Dương hỗ biến với nhau rồi xếp lại cùng. Với 56 quẻ còn lại dùng phương pháp “biến”, cứ một ngược một xuôi từng cặp đối nhau rồi xếp lại cùng, đến hai quẻ Ký Tế và Vị Tế thì kết thúc, làm thành một vòng tròn.

Bát quái lấy quan hệ và kết cấu làm nền tảng, rồi từ trong những mối quan hệ và kết cấu phức tạp ấy, nó thiết lập nên một loại quan hệ kết cấu cơ bản nhất, đó là mối quan hệ đối lập thống nhất Âm Dương.

Ngoài việc lấy sự thống nhất đối lập Âm Dương là kết cấu khởi đầu cơ bản ra, trong Bát quái còn có hai kết cấu cơ bản nữa là kết cấu sáu hào cấu thành các biệt quẻ và kết cấu tám quẻ cấu thành Bát quái.

Từ kết cấu sáu hào và kết cấu tám quẻ, chúng ta có thể thấy quan niệm hệ thống trong Bát quái rất chặt chẽ. Hầu như mọi sự vật được thuyết minh hay khi bói cát hung đều phải tuân theo nguyên tắc thông qua các mối quan hệ kết cấu. Chẳng hạn, khi muốn xét một hào và bói một quẻ nào đó, thì không phải chỉ giải thích về thuộc tính của chính hào hay quẻ đó, mà phải xét từ vị trí của nó trong cả chỉnh thể tám quẻ và trong kết cấu sáu hào. Tức phải đi từ mối quan hệ giữa nó với các nguyên tố khác mà phân tích, rồi tiếp đó phải kết hợp thuộc tính ấy với lời hào của nó, có như vậy mới giải thích được sự tiến triển của sự vật một cách chính xác. Nguyên tắc này của Bát quái cũng chính là yêu cầu cơ bản của hệ thống hiện đại.

Một cuốn sách cần thiết khác để giải mã được *Kinh Dịch* là *Kinh Dịch - Đạo của người quân tử* của Nguyễn Hiến Lê. Không phải ngẫu nhiên mà ông đã phân tích khá kỹ về hình ảnh người quân tử, hiện thân của cái thiện, xuyên suốt *Kinh Dịch* trong công trình nghiên cứu của mình⁶. Theo ông, *Kinh Dịch* là tác phẩm xét rất đầy đủ về cách ứng xử, đối nhân xử thế của người quân tử trong đời sống hằng ngày, “từ việc ăn uống tu thân, tới việc kiện cáo, xuất quân, trang sức, tề gia, về nhà chồng, lập đảng,

diệt kẻ tiểu nhân, can ngăn cha mẹ, cách xử sự trong mọi hoàn cảnh: lúc giàu thịnh, lúc gian truân, lúc chờ thời, cả lúc phải bỏ nhà, bỏ nước mà lưu lạc quê người, ăn nhờ ở đậu... Sáu mươi bốn quẻ là sáu mươi bốn thời, và ba trăm tám mươi bốn hào là ba trăm tám mươi bốn hoàn cảnh”.

Kinh Dịch cho chúng ta bài học về tự cường bất tức, kiên nhẫn, luôn lo việc tu thân, luyện tài đức, mỗi ngày tiến một chút để gặp thời thì giúp nước, không bao giờ từ bỏ trách nhiệm, không cầu danh lợi.

Biết được quy luật xoay vần là có dương thì có âm, có thịnh thì có suy, việc đời thành rồi bại, bại rồi thành, không bao giờ hết, lúc chấm dứt lại là lúc bắt đầu..., nhưng người quân tử không bao giờ chán nản, thấy việc phải thì cứ theo đạo trung chính mà làm, đồng thời không bao giờ nguôi lòng lạc quan.

Đáng nể nhất là cách ứng xử của người quân tử trong thế đầu sức đầu trí với tiểu nhân, mà thực chất là cuộc chiến giữa cái thiện với cái ác, hai mặt trái ngược luôn cùng song hành trong xã hội loài người.

Nguyễn Hiến Lê phân tích, *Dịch* không ghét tiểu nhân, vì có tiểu nhân mới có quân tử, có âm mới có dương, có thiện thì có ác, cuộc chiến với ác, với tiểu nhân không bao giờ chấm dứt. Người quân tử bình thời cần khoan dung với tiểu nhân, nhưng khi tiểu nhân mạnh, đắc thời thì phải biết cách ứng phó một cách thận trọng. Lúc đầu tình thế chưa khó khăn thì hành động, khi đã nguy rồi thì nên chờ thời mà vẫn giữ đức trung chính; tới lúc tiểu nhân bắt đầu suy thì đoàn kết lại mà tấn công.

Kể cả khi đã thắng, người quân tử cũng chớ có chủ quan, ngủ yên trên chiến thắng. Bởi thế mà 64 quẻ kết thúc ở quẻ Vị Tế (chưa qua), là biểu thị rõ ý “vật bất khả cùng”, sự hoàn mỹ, thành công chỉ là tương đối, còn sự khiêm khuyết, chưa thành lại luôn cùng tồn tại với chúng.

Nếu có dịp đọc cuốn *Chu Dịch - dịch chú*⁷, chúng ta sẽ thấy nghệ thuật sống của người quân tử được phân tích hết sức kỹ lưỡng trong 64 lời *Tổng luận* của các tác giả, nằm phía dưới phần dịch mỗi quẻ. Phần *Tổng luận* của mỗi quẻ đều chứa đựng một khía cạnh triết lý, một lời khuyên răn ứng với ý nghĩa của từng quẻ hết sức thâm thúy, nằm trong triết lý ứng nhân xử thế của người quân tử ở tổng thể 64 quẻ - 64 cảnh huống triết lý khác nhau.

Ngoài ra, trong Bát quái còn tiềm ẩn một số vấn đề của toán học hiện đại như phép nhị phân và phép tương đối.

Trong số các phương pháp ghi bằng con số mà nhân loại sử dụng, phép nhị phân là một phép thấp nhất. Phép này sử dụng hai ký hiệu 1 và 0, dùng 1 và 0 để biểu thị tất cả các số tự nhiên. Do ký hiệu đơn giản, nên phần lớn các máy tính điện tử đều dùng hệ thống các con số của phép nhị phân để tiện cho việc tính toán. Phép nhị phân là phát minh của nhà toán học Đức Gottfried Wilhelm Leibniz (1646 - 1716). Song, phát minh này của ông có được là nhờ sự gợi ý từ Bát quái. Ông từng viết thư cho vua Khang Hy nhà Thanh, Trung Quốc, cho rằng sự sắp xếp 64 quẻ chính là cách viết 64 con số theo phép nhị phân. Theo *Trung Quốc số học sử giản biên* của Lý Dịch, G. W. Leibniz đánh giá rất cao về Bát quái. Ông nói: “Dịch đồ là vật kỷ niệm cổ xưa nhất còn được lưu truyền trong khoa học về vũ trụ”.

Thậm chí có người cho rằng, học thuyết Bát quái mang những đặc tính chủ yếu của máy tính hiện đại. Từ công năng tính toán của Dịch số, công năng logic của Dịch lý, cho đến công năng tàng trữ của Dịch tượng đều có những điểm tương tự như công năng của máy tính.

Một vài học giả còn cho rằng, Bát quái có sự ngẫu hợp với thuyết tương đối. Thuyết tương đối do nhà vật lý học Đức Albert Einstein (1879 - 1955) đề xuất. Đây là lý thuyết về mối quan hệ giữa sự vận động của vật chất với thời gian và không gian. Một nhân sĩ người Vô Tích là Tiết Học Tiềm đã liên hệ Bát quái với thuyết tương đối để nghiên cứu trong cuốn *Dịch với sóng vật chất lượng tử* của mình. Ông đã phát hiện được những vấn đề chưa ai tìm thấy. Sau đó, ông cho ra mắt cuốn *Bản về khoa học Kinh Dịch - siêu thuyết tương đối* với các tiêu đề: *Cơ học thống kê trong Hà đồ, Ma trận Dịch sắp xếp theo mặt cầu, Phương trình điện tử ma trận Dịch, Ma trận Dịch gợi tới các phương trình vector, Chữ vạn 卐 là cốt lõi của ma trận Dịch, Đường cong Thái cực gợi tới các hạt điện tích âm dương và hạt trung hòa...* Ông đã nhào lộn Dịch quẻ với ngành khoa học mũi nhọn vào làm một. Thật tiếc, bởi rất ít người vừa am tường về Dịch học lại vừa am hiểu về khoa học tự nhiên, nên không mấy ai hiểu nổi những sách này.

Thẩm Nghi Giáp là một Hoa kiều từ lâu đã biên soạn cuốn *Chu Dịch - khoa học vô huyền*. Khi còn ít tuổi, ông chẳng thích thú gì *Kinh Dịch*, vì cho đó là chuyện tầm phào. Sau Đại chiến Thế giới II, cả thế giới nổi lên phong trào nghiên cứu *Kinh Dịch*, ông cũng thử đi vào lĩnh vực này rồi

thấy tín phục vô cùng trước sự huyền diệu của nó. Ông đánh giá *Kinh Dịch* cao hết mức: “Toán học trong *Kinh Dịch* là đỉnh cao nhất về toán học đại số, ngay đến toán học hiện đại cũng không thể so sánh nổi. Điều không thể tưởng tượng được là từ một khóa đề đơn nhất, để tính được các hào chẵn, lẻ, âm, dương, mà có đến hàng trăm định luật, chu kỳ luật, bao gồm các phép thập phân, nhị phân, sắp xếp tổ hợp cực đại, cực tiểu, xác suất... Có thể nói, *Kinh Dịch* là tập đại thành của toán học con số, được hình thành từ 3.000 năm trước đây, là sự thể hiện cao nhất của trí tuệ loài người”⁸.

Nghiên cứu *Kinh Dịch* không chỉ có các nhà khoa học xã hội, mà còn cả các nhà khoa học tự nhiên; không chỉ các học giả Trung Quốc, mà còn cả học giả nhiều nước trên thế giới. Nhà triết học, nhà toán học Đức G. W. Leibniz (1646 - 1716) phát hiện thấy 64 quẻ được cấu thành từ hai phù hiệu hào âm, hào dương đã sử dụng hệ nhị phân trong toán học. Trong hệ nhị phân, chỉ có hai phù hiệu 0 (hào âm) và 1 (hào dương), dùng hai phù hiệu này có thể viết ra được tất cả các số. Thiết kế phần mềm máy tính hiện nay là sử dụng hệ nhị phân. Khởi đầu từ nhà toán học Đức Viktor Mayer Schönberger, rất nhiều học giả đang nghiên cứu mối quan hệ đối ứng giữa mã di truyền sinh học với 64 quẻ, thậm chí còn cho là “Thái cực là ngọn hải đăng của khoa học”, “giữa sự biến đổi theo chu kỳ của các nguyên tố hóa học với sự sắp xếp tám quẻ (Bát quái) cổ đại tồn tại tính quy luật chung. Vì thế, có thể ứng dụng nguyên lý của Bát quái để tìm hiểu bí mật của nguyên tử”. Một số nhà khoa học nghiên cứu cả lý thuyết hỗn loạn, cấu trúc tiêu tán trong *Kinh Dịch*, vận dụng lý luận *Kinh Dịch* để nghiên cứu sự cấu thành các hành tinh. Nghe nói, cựu Tổng thống Mỹ Jimmy Carter cũng rất coi trọng *Kinh Dịch*, cho rằng trong đó có ẩn chứa tư duy chiến lược hạt nhân.

Bấy lâu nay, nhiều người Việt Nam hay nói người Trung Quốc luôn bảo *Kinh Dịch* là của họ, đã có mấy ngàn đầu sách khẳng định điều này khiến nó thành một sự thật hiển nhiên khó cãi lại được. Một số người theo quan điểm cho *Kinh Dịch* là của Việt Nam đã ra sức tìm chứng cứ cho thấy nguồn gốc của *Kinh Dịch* không thể tìm thấy ở Trung Hoa, mà Việt Nam mới chính là nơi khai sinh cuốn sách này.

Trong một bài viết mới đây, chính các học giả Trung Quốc hiện giờ cũng chưa dám khẳng định *Kinh Dịch* là của đất nước họ: “Rút cục Bát quái là do ai sáng tạo? Khi còn chưa tìm ra được lời giải đáp tốt hơn, thì

vẫn đành phải dựa theo lời trong sách xưa mà quy công về cho họ Phục Hy theo truyền thuyết thời”⁹.

Mà về Phục Hy thì: “Trước hết, họ cho Phục Hy nhìn những hình đồ trên con long mã về nên Bát quái. Đây là chuyện hoang đường chỉ hợp với những người mê tín, ưa sự huyền hoặc, thế mà cũng được vô số người tin như thật. Nhưng Phục Hy dù là nhân vật huyền thoại vẫn không phải là thủy tổ chính thống của người Hoa Hạ. Phục Hy là tổ của một tộc trong đại chủng Bách Việt phía nam Trung Quốc, người Hoa mượn làm tổ của mình. Tư Mã Thiên không đồng ý nên đặt Hoàng Đế ở đầu *Sử ký*. Vậy nếu Phục Hy có làm ra Bát quái cũng không thể nói là của Trung nguyên. Thừa nhận Phục Hy chế ra *Kinh Dịch* là người Hoa đã nhận *Kinh Dịch* là của dân Bách Việt, vậy sao cứ nói mãi *Kinh Dịch* của Trung Hoa và gọi đó là niềm tin chính thống.

Như vậy, đối với vấn nạn nguồn gốc *Kinh Dịch*, các học giả Trung Quốc đành chịu “bỏ tay” không truy vấn được.

Vậy thì người Việt Nam hà cớ gì cứ đi theo họ để xác nhận một điều họ đã phủ nhận, cứ trân trọng mãi cái họ đã ném đi”¹⁰.

Thêm một phát hiện quý nữa đáng để tham khảo, các tài liệu tìm hiểu nguồn gốc Bát quái của Trung Quốc nói rằng: “Bát quái mới đầu hẳn được bắt nguồn từ Việt ngữ”¹¹, là từ dùng để chỉ một thái độ sống rạch ròi đâu ra đấy, gặp việc gì cũng bó buộc, cho nên Bát quái có tên gọi đầy đủ trong Việt ngữ là “chư sự Bát quái”¹².

Việt ngữ còn được gọi là tiếng Quảng Đông. Theo nghiên cứu của các học giả Trung Quốc, “越” và “粵” thời cổ là thông giả tự, có nghĩa là những chữ có thể thay thế cho nhau, chỉ vùng Bách Việt Hoa Nam. Từ thời cận cổ Minh, Thanh đến nay, hàm nghĩa của hai chữ mới đầu có chút khác biệt, “越” được dùng nhiều trong vùng Ngô ngữ Chiết Giang, “粵” được dùng nhiều trong vùng Lưỡng Quảng Lĩnh Nam, suốt một thời kỳ dài được gọi chung cho cả vùng Lĩnh Nam. Trong lịch sử, Lưỡng Quảng có tên gọi khác là Lưỡng Việt¹³, Quảng Đông là Việt Đông, Quảng Tây là Việt Tây. Mãi đến thời kỳ Dân Quốc, “粵” mới dần thu hẹp nghĩa và được dùng làm tên gọi tắt của tỉnh Quảng Đông. Vì thế, trong các thời kỳ lịch sử khác nhau, “粵” được phân thành nghĩa rộng (chỉ Lĩnh Nam) và

nghĩa hẹp (chỉ tỉnh Quảng Đông). Phạm vi Việt Đông và Việt Tây trong các thời kỳ lịch sử khác nhau dĩ nhiên cũng không giống nhau. Niên đại khởi nguồn và phát triển thành thực của Việt ngữ còn vượt xa thời phân chia Lưỡng Việt (Lưỡng Quảng). Cho nên, xét về bình diện văn hóa lịch sử, Việt ngữ thực sự là tiếng Lĩnh Nam (ngôn ngữ vùng Lĩnh Nam) theo nghĩa rộng, chứ không phải chỉ riêng tiếng Quảng Đông. Chỉ vì tiếng Anh dịch Việt ngữ thành *Cantonese* đâm ra người ta thường gọi là tiếng Quảng Đông¹⁴.

Cũng theo nghiên cứu của các học giả Trung Quốc, Lĩnh Nam theo nghĩa rộng chỉ vùng nằm ở phía nam Ngũ Lĩnh, nam Trung Quốc và bắc Việt Nam, tương đương với Quảng Đông, Quảng Tây và toàn bộ Hải Nam, một phần khu vực thuộc các tỉnh Hồ Nam, Giang Tây của Trung Quốc, và vùng phía bắc Đồng bằng Sông Hồng của Việt Nam hiện nay. Còn theo nghĩa hẹp là chỉ vùng phía nam núi Ngũ Lĩnh ở nam Trung Quốc, do từ sau đời Tống mới bắt đầu chia thành Quảng Nam Đông Lộ và Quảng Nam Tây Lộ, nên Việt Nam mới tách ra, kể từ đó không còn bao gồm vùng Miền Bắc của Việt Nam nữa¹⁵.

Thiễn nghĩ, mặc dù còn phải đợi kiểm chứng thêm, nhưng đây là một manh mối hết sức quý giá cho chúng ta trong bước đường đi tìm nguồn gốc của *Kinh Dịch*./

CHÚ THÍCH:

- 1 *Chu Tử* đọc “*Chu Dịch*” như thế nào (tiếng Trung), http://blog.sina.com.cn/s/blog_4a0b2c1d010005i7.html.
- 2 Ở Việt Nam, tên *Kinh Dịch* xuất hiện trong các tác phẩm: *Chu Dịch* của Sào Nam Phan Bội Châu, cuối những năm 1930; *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh, năm 1932 (?); *Kinh Dịch* (chú giải) của Ngô Tất Tố, năm 1953; *Kinh Dịch - Đạo của người quân tử* của Nguyễn Hiến Lê, năm 1990.
- 3 Các tên gọi *Kinh Dịch*, *Chu Dịch* trong bài này đều chỉ sách *Kinh Dịch*.
- 4 Vương Ngọc Đức, Thiệu Vỹ Quân, Tăng Lữ Quang (1990), *Bát quái thần bí* (tiếng Trung), Nxb. Nhân dân Quảng Tây.
- 5 Vương Ngọc Đức, Thiệu Vỹ Quân, Tăng Lữ Quang (1990), *Bát quái thần bí* (tiếng Trung), sách đã dẫn.
- 6 Nguyễn Hiến Lê (2007), *Kinh Dịch - Đạo của người quân tử*, Nxb. Văn học.
- 7 Hoàng Thọ Kỳ, Trương Thiện Văn (Nguyễn Trung Thuần, Vương Mộng Bru dịch, 1999), *Chu Dịch - dịch chú*, Nxb. Khoa học xã hội.
- 8 Vương Ngọc Đức, Thiệu Vỹ Quân, Tăng Lữ Quang (1990), *Bát quái thần bí* (tiếng Trung), sách đã dẫn.

- 9 Chu Trọng Ngọc (Nguyễn Trung Thuận dịch, 2011), *Thế giới những điều chưa biết - Bí ẩn về lịch sử, khảo cổ*, Nxb. Phụ nữ.
- 10 Nguyễn Thiếu Dũng (2009), “Chuyện nguồn gốc *Kinh Dịch*, phải chăng đây là sáng tạo của người Việt?”, *Xưa & Nay*, số 332, tháng 5.
- 11 Việt ngữ/ 粤语 này khác với tiếng Việt hiện giờ. Để tiện phân biệt, trong bài này, chúng tôi xin gọi 粤语 là Việt ngữ.
- 12 八卦 (Bát quái), <http://baike.baidu.com/view/4881.htm>.
- 13 Nguyên văn: 两粤.
- 14 粤语 (Việt ngữ), <http://baike.baidu.com/view/10816.htm>.
- 15 岭南 (Lĩnh Nam); <http://zh.wikipedia.org/wiki/岭南>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chu Tử* đọc “*Chu Dịch*” như thế nào (tiếng Trung), http://blog.sina.com.cn/s/blog_4a0b2c1d010005i7.html.
2. Nguyễn Thiếu Dũng (2009), “Chuyện nguồn gốc *Kinh Dịch*, phải chăng đây là sáng tạo của người Việt?”, *Xưa & Nay*, số 332, tháng 5.
3. Vương Ngọc Đức, Thiệu Vỹ Quân, Tăng Lũy Quang (1990), *Bát quái thần bí* (tiếng Trung), Nxb. Nhân dân Quảng Tây.
4. Hoàng Thọ Kỳ, Trương Thiện Văn (Nguyễn Trung Thuận, Vương Mộng Bru dịch, 1999), *Chu Dịch - dịch chú*, Nxb. Khoa học xã hội.
5. Nguyễn Hiến Lê (2007), *Kinh Dịch - Đạo của người quân tử*, Nxb. Văn học.
6. Chu Trọng Ngọc (Nguyễn Trung Thuận dịch, 2011), *Thế giới những điều chưa biết - Bí ẩn về lịch sử, khảo cổ*, Nxb. Phụ nữ.

Abstract

AN OUTLINE ON *I CHING*

This article introduced *generally I Chang* (classical of changes), “the oldest of the Chinese classical text”, but it is not easy for us to read it. For understanding this book, according to the author, readers should have systematic thought. For explaining *I Ching*, readers should study some research works and annotations of Chinese and Vietnamese famous researchers on this book. Besides, the author also mentioned the origin of *I Ching*.

Key words: Yi, I Ching, Zhouyì, Bagua (the eight trigrams).